

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG
CHUYÊN NGÀNH: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KT03008: KINH TẾ MÔI TRƯỜNG (ENVIRONMENTAL ECONOMICS)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 7
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 02 (Lý thuyết: 2 – Thực hành: 0 - Tự học: 6)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 25 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 03 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 02 tiết
- Giờ tự học: 90 **tiết**
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Kinh tế Tài nguyên và môi trường
 - Khoa: Kinh tế và phát triển nông thôn
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Học phần tiên quyết: Kinh tế vĩ mô (KT02002)
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu:**

- Về kiến thức: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức lý thuyết và bài tập thực hành về kinh tế ô nhiễm nhằm tối ưu hoá trong kiểm soát ô nhiễm môi trường gắn liền với phát triển kinh tế bền vững trong nền kinh tế thị trường hiện nay.
- Về kỹ năng: Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình thông qua thảo luận trên lớp.
- Về thái độ: Học phần rèn luyện cho sinh viên thái độ học tập và nhận thức về quản lý môi trường dưới góc độ kinh tế.

*** Kết quả học tập mong đợi của chương trình**

Sau khi hoàn tất Chương trình, Sinh viên có thể:	
Kiến thức chung	CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
Kiến thức	CĐR2: Phân tích chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.

chuyên môn	CDR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
	CDR4: Xây dựng các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội.
	CDR5: Thiết kế các công trình xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí) theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế.
Kỹ năng chung	CDR6: Vận dụng tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
	CDR7: Làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đa chức năng.
	CDR8: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng; đạt chuẩn Tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên môn	CDR9: Vận dụng các hướng tiếp cận (approaches) và các phương pháp, kỹ thuật phù hợp để điều tra, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề của ngành môi trường.
	CDR10: Sử dụng công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
Thái độ	CDR11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
	CDR12: Thể hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT											
		CD R1	CD R2	CD R3	CD R4	CD R5	CD R6	CD R7	CD R8	CD R9	CD R10	CD R11	CD R12
KT03 008	Kinh tế môi trường			P	P		P					P	

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Phân tích được các lý thuyết về môi trường và phát triển bền vững, xác định được ngoại ứng và mức ô nhiễm tối ưu	CDR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
K2	Vận dụng được các công cụ kinh tế trong	

	kiểm soát ô nhiễm, các phương pháp đánh giá giá trị môi trường trong nghiên cứu và đánh giá các chương trình, dự án có yếu tố tác động môi trường.	CĐR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường. CĐR4: Xây dựng các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội.
Kỹ năng		
K3	Thực hiện thành thạo kỹ năng viết đề cương, báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu về kinh tế môi trường.	CĐR6: Vận dụng tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
K4	Làm việc độc lập và làm việc nhóm; chia sẻ, phân bổ nhiệm vụ và giám sát các thành viên trong nhóm thông qua giải quyết vấn đề một cách hiệu quả	CĐR6: Vận dụng tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
Thái độ		
K5	Chủ động trong học tập, nghiên cứu và tổ chức công việc liên quan tới kinh tế môi trường	CĐR11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

KT03008: Kinh tế môi trường (02: 2 – 0 – 6). Môn học nghiên cứu hững vấn đề cơ bản về khoa học kinh tế môi trường; Môi trường và phát triển; Khái quát về ô nhiễm, hệ sinh thái và tiêu chuẩn môi trường; Kinh tế ô nhiễm môi trường; Nội dung cơ bản về quản lý môi trường; Đánh giá tác động môi trường và phương pháp đánh giá giá trị môi trường.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Giảng giải, thuyết trình
- Hướng dẫn làm bài tập, thảo luận theo các chủ đề, nội dung bài giảng
- Sử dụng các hình ảnh minh họa
- Nghiên cứu giải quyết các vấn đề theo nhóm
- Trình bày kết quả nghiên cứu theo nhóm

2. Phương pháp học tập

- Lắng nghe, quan sát, đặt câu hỏi
- Tích cực thảo luận theo các chủ đề, nội dung bài giảng
- Tham gia thảo luận và trình bày kết quả nghiên cứu theo nhóm
- Làm bài tập môn học

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự các bài giảng ở trên lớp theo đúng quy định của Học viện
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc sách tham khảo và làm bài tập trước khi đến lớp theo yêu cầu cụ thể của giảng viên trong từng buổi lên lớp.

- Thi giữa kỳ, thảo luận nhóm, viết tiểu luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia thi giữa kỳ hoặc/và viết tiểu luận, hoặc/và tham gia thảo luận nhóm, trình bày kết quả nghiên cứu của nhóm về chủ đề nghiên cứu được giảng viên giao.
- Thi cuối kì: Tất cả các sinh viên tham dự học phần này phải tham dự kì thi cuối kỳ (kỳ thi cuối kỳ có thời gian là 60 phút).

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Kế hoạch đánh giá và trọng số:

- Rubric 1- Tham dự lớp: 10 %
- Rubric 2/3/4 - Thuyết trình/Kiểm tra giữa kỳ/Viết tiểu luận: 30%
- Rubric 5 - Thi cuối kì: 60%

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1. Ma trận đánh giá các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMD của học phần	Rubric 1. Tham dự lớp (10%)	□ ảnh giỏ quỏ trởnh (Ch□ n 1 trong cỏc Rubric sau)			Rubric 5. Thi cuối kì 60%)
		Rubric 2 Thuyết trình (30%)	Rubric 3 kiểm tra giữa kỳ (30%)	Rubric 4 Viết tiểu luận (30%)	
K1		x	x	x	x
K2		x		x	x
K3		x	x	x	x
K4		x		x	
K5	x				

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần
(Dùng cho đánh giá và thi giữa kỳ, cuối kỳ)

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1	Chỉ báo 1: Phân tích một số vấn đề cơ bản của kinh tế môi trường Chỉ báo 2: Phân tích đặc điểm của quyền sở hữu và vai trò của quyền sở hữu trong quản lý môi trường. Chỉ báo 3: Phân tích tác động của hoạt động kinh tế đến môi trường và các vấn đề đặt ra trong phát triển kinh tế Chỉ báo 4: Phân tích nội dung phát triển bền vững Chỉ báo 5: Chứng minh ngoại ứng và thất bại thị trường Chỉ báo 6: Xác định mức ô nhiễm tối ưu
K2	Chỉ báo 7: Xác định các công cụ kiểm soát ô nhiễm Chỉ báo 8: Phân tích các phương pháp đánh giá giá trị môi trường
K3	Chỉ báo 9: Trình bày bài thi Chỉ báo 10: Lập luận các câu hỏi lý thuyết và bài tập

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp) (10%)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham

		hoạt động			gia
Thời gian tham dự	50	Tham dự đầy đủ từ 90% số tiết lý thuyết trên lớp	Tham dự đầy đủ từ 70% - dưới 90% số tiết lý thuyết trên lớp	Tham dự đầy đủ từ 50% đến dưới 70% số tiết lý thuyết trên lớp	Tham dự dưới 50% số tiết lý thuyết trên lớp

Rubric 2: Đánh giá thuyết trình theo nhóm (30%)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Nội dung	40	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc	20	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
Kỹ năng trình bày	20	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Sự tham gia của các thành viên	20	Sự tham gia đầy đủ, tích cực của các thành viên trong nhóm	Tham gia đầy đủ, chưa tích cực	Tham gia không đầy đủ, không tích cực	Không tham gia
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng

Rubric 4: Đánh giá viết tiểu luận (30%)

Các chủ đề:

- Chủ đề 1: Phân tích thực trạng vấn đề môi trường ở một địa bàn cụ thể
- Chủ đề 2: Các công cụ quản lý môi trường (lý thuyết và liên hệ thực tiễn)
- Chủ đề 3: Chính sách quản lý môi trường (lý luận và liên hệ thực tiễn)

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Cấu trúc bài tiểu luận	40	Cấu trúc logic, chặt chẽ, đầy đủ các phần	Cấu trúc đầy đủ các phần, chưa logic, chặt chẽ	Cấu trúc chưa đầy đủ, thiếu các mục tài liệu tham khảo, mục	Cấu trúc chưa đầy đủ, thiếu các mục chính của bài tiểu luận.

				lục, phụ lục	
Nội dung bài tiểu luận	50	Đúng ý, đủ ý, rõ ràng theo nội dung môn học	Đúng, thiếu ý trong phân tích	Thiếu ý, có sai sót trong phân tích lập luận	Sai ý và không phân tích lập luận
Trình bày bài tiểu luận	10	Có đầy đủ dẫn chứng (hình/bảng biểu minh họa), format đúng quy định	Có dẫn chứng, chưa đầy đủ, thiếu sinh động	Thiếu dẫn chứng minh họa, thiếu sinh động	Không có dẫn chứng minh họa

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Đi học đúng giờ
- Tham dự tối thiểu 75% số tiết học trên lớp.
- Yêu cầu về đạo đức: tôn trọng giảng viên và các sinh viên khác trong lớp, không nói chuyện riêng, không dùng điện thoại, ăn uống trong lớp học.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

1. Nguyễn Hiếu Trung (2011). Giáo trình ứng dụng hệ thống thông tin địa lý trong quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Nhà xuất bản đại học Cần Thơ.
2. Trương Hoàng Đan và Nguyễn Văn Bé (2013). Giáo trình quản lý môi trường. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.
3. Trương Hoàng Đan và Bùi Trường Thọ (2011). Giáo trình quản lý môi trường nông nghiệp và nông thôn. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.
4. Nguyễn Văn Song (2006), Giáo trình Kinh tế tài nguyên môi trường. NXB Nông nghiệp – Hà Nội.
5. Nguyễn Thế Chinh (2003). Kinh tế và quản lý môi trường. NXB Giáo dục.
6. Nguyễn Mậu Dũng, Nguyễn Văn Song, Vũ Thị Phương Thụy. (2009). Giáo trình Kinh tế môi trường. NXB Nông nghiệp.
7. Hoàng Xuân Cơ (2005). Giáo trình Kinh tế môi trường. NXB Giáo dục
8. Phí Mạnh Hồng (2010). Giáo trình Kinh tế vi mô. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo khác:

1. Nguyễn Mậu Dũng (2011). Nghiên cứu tình hình thực thi các chính sách quản lý nước thải công nghiệp ở miền Bắc Việt Nam. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Hà Nội.
2. Nguyễn Mậu Dũng (2011). Phát triển làng nghề hậu quả môi trường và lựa chọn các biện pháp quản lý ô nhiễm trong các làng nghề chế biến nông sản vùng Đồng bằng Sông Hồng. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Hà Nội.
3. Thomas Sterner. Người dịch: Đặng Minh Phương (2002). Công cụ chính sách cho quản lý tài nguyên và môi trường. Nhà xuất bản tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Thế Chinh (2013). Lượng giá thiệt hại kinh tế do ô nhiễm, suy thoái môi trường. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. Hà Nội.
5. Bùi Dũng Thế và Herminia Francisco (2013). Kinh tế học về quản lý môi trường ở Việt Nam. Nhà xuất bản kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

6. Trần Võ Hùng Sơn (2003). Nhập môn Phân tích Lợi ích - Chi phí. Nhà xuất bản đại học quốc gia Hồ Chí Minh.
7. Nguyễn Văn Song, Đỗ Thị Diệp (2018). Mất cân bằng cung cầu động vật hoang dã đẩy các loài vào nguy cơ tuyệt chủng. Bản tin Chính sách: tài nguyên, môi trường, phát triển bền vững – ISSN 0866-7810, số 29-30 chuyên đề về Động vật hoang dã Việt Nam: Cạn kiệt và bị tận diệt. Trang 12-16
8. Đỗ Thị Diệp, Nguyễn Văn Song (2019). Sinh kế của các hộ dân ven biển tỉnh Thái Bình trong bối cảnh biến đổi khí hậu: thực trạng và giải pháp. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam số 17 (9), trang 705-714.
9. Ernah (2015). Cost – benefit analysis of the introduction of the Indonesian Sustainable palm oil standards: A case study in Jambi Province, Indonesia. EEPSEA Research report No. 2015-RR15. Economy and Environment Program for Southeast Asia, Laguna Philippines.
10. Bulayog, M.S.B.; Montes, Jr., H.R.; Lina, S.B.; Patindol, T.A.; Diola, A.C.; Espinosa, E.D.; Mazo, A.M.; Evangelio, J.C.; Flandez, A.R.R.; Gesultura, M.A.; and Modina, R.M.R (2015). Assessment of Natural Assets in the Agricultural and Aquatic Ecosystems in Sogod Bay, Southern Leyte. EEPSEA Research report No. 2015-RR14. Economy and Environment Program for Southeast Asia, Laguna, Philippines.
11. Nguyen Mau Dung (2008). Compliance of Paper – Making Plants with Environmental Regulations in Bac Ninh Province, Vietnam. EEPSEA Research report No. 2008-RR9. Economy and Environment Program for Southeast Asia, Laguna, Philippines.
12. Arief Anshory Yusuf & Herminia Francisco (2010). Hotspots! Mapping Climate Change Vulnerability In Southeast Asia. Economy and Environment Program for Southeast Asia, Laguna, Philippines.
13. EEPSEA (2010). From Paper to Policy: Building Environmental Economics Research Impact. Economy and Environment Program for Southeast Asia, Laguna, Philippines.
14. Myrick Freman III (1994). The Measurement of Environmental and Resource Values: Theory and Methods. Resource for the Future. Washington, D.C.
15. EEPSEA (2015). Environment and Natural Resources: Trade – offs and Management Options Case Study Materials for Teaching and Training. Economy and Environment Program for Southeast Asia, Laguna, Philippines.
16. Nancy Olewiler; Herminia A. Francisco; Alice Joan G. Ferrer (2016). Marine and Coastal Ecosystem Valuation, Institutions, and Policy in Southeast Asia.
17. EEPSEA (2016). Integrating Gender into Environmental Economics Research: Lessons from EEPSEA Studies. Economy and Environment Program for Southeast Asia, Laguna, Philippines.
18. EEPSEA (2016). Creating greater synergy in the economic analysis of environmental issues: Our Stories. Economy and Environment Program for Southeast Asia, Laguna, Philippines.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
1	Chương 1: NHẬP MÔN	

2	A/Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết:(3 tiết) 1.1. KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ CỦA KINH TẾ MÔI TRƯỜNG 1.1.1. Khái niệm kinh tế môi trường 1.1.2. Vai trò của kinh tế môi trường 1.1.3 Lịch sử phát triển của khoa học kinh tế môi trường 1.2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT KINH TẾ CỦA KHOA HỌC KINH TẾ MÔI TRƯỜNG 1.2.1. Cơ sở khoa học kinh tế vi mô áp dụng trong kinh tế phúc lợi và môi trường 1.2.2. Quyền sở hữu và chất lượng môi trường 1.2.3. Thất bại thị trường và thất bại chính phủ 1.3. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 1.3.1. Đối tượng nghiên cứu 1.3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của môn học 1.3.3. Phương pháp nghiên cứu	K1
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Đọc sách và làm bài tập ở nhà về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô và hiệu quả pareto, giá trị kinh tế của môi trường.	K1
	Chương 2: MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 2.1. MỐI LIÊN KẾT GIỮA MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ 2.1.1. Hoạt động của hệ kinh tế 2.1.2. Chất thải từ hệ thống kinh tế và tác động của nó tới môi trường 2.1.3. Vai trò của hệ thống môi trường 2.1.4. Mối quan hệ giữa môi trường và phát triển 2.1.5. Đường Kuznets môi trường 2.2. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2.2.1. Các quan điểm cơ bản kết hợp giữa môi trường và phát triển 2.2.2. Khái niệm phát triển bền vững 2.2.3. Điều kiện về phát triển bền vững 2.2.4. Nguyên tắc phát triển bền vững 2.2.5. Thước đo phát triển bền vững	K1
3,4	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi ôn tập, bài tập về thực hành các phương pháp đánh giá dựa theo giá thị trường và các hàng hóa liên quan.	K1
	Chương 3: NGOẠI ỨNG VÀ MỨC Ô NHIỄM TỐI ƯU	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (5 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết:(5 tiết) 3.1. NGOẠI ỨNG VÀ SỰ THẤT BẠI THỊ TRƯỜNG	K1

	3.1.1. Ngoại ứng và phân loại ngoại ứng 3.1.2. Ngoại ứng và sự thất bại thị trường 3.2. MỨC Ô NHIỄM TỐI ƯU 3.2.1. Khái niệm về mức ô nhiễm tối ưu 3.2.2. Xác định mức ô nhiễm tối ưu	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết) - Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi ôn tập, bài tập về ngoại ứng và mức ô nhiễm tối ưu	K1
	Chương 4: CÁC CÔNG CỤ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG	
4,5,6,7	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (9 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết) 4.1. LÝ THUYẾT RONALD COASE VỀ QUYỀN SỞ HỮU VÀ THỊ TRƯỜNG 4.1.1. Quyền sở hữu và cơ sở hình thành lý thuyết 4.1.2. Lý thuyết Ronald Coase và khả năng thỏa thuận thông qua thị trường 4.1.3. Hạn chế của lý thuyết Ronald Coase 4.2. TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG 4.2.1. Khái niệm về tiêu chuẩn môi trường 4.2.2. Cơ chế hoạt động 4.2.3. Tiêu chuẩn cá nhân và tiêu chuẩn đồng bộ 4.2.4. Ảnh hưởng của chi phí cưỡng chế đến tiêu chuẩn môi trường 4.3. THUẾ Ô NHIỄM 4.3.1. Thuế ô nhiễm tối ưu (thuế Pigou) 4.3.2. Thuế thải hiệu quả 4.3.3. Một số nhược điểm của thuế ô nhiễm 4.4. TRỢ CẤP GIẢM THẢI 4.4.1. Cơ chế hoạt động của trợ cấp giảm thải 4.4.2. Một số nhược điểm của trợ cấp giảm ô nhiễm 4.5. HỆ THỐNG GIẤY PHÉP ĐƯỢC THẢI CÓ THỂ CHUYỂN NHƯỢNG 4.5.1. Cơ chế hoạt động 4.5.2. Lợi ích của việc sử dụng giấy phép được thải có thể chuyển nhượng 4.6. HỆ THỐNG ĐẶT CỌC – HOÀN TRẢ Nội dung giảng dạy bài tập: (3 tiết) Sinh viên làm bài tập về ngoại ứng, mức ô nhiễm tối ưu, các phương pháp kiểm soát ô nhiễm dưới sự hướng dẫn của giáo viên	K2
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (27 tiết) Sinh viên thực hành làm bài tập giáo viên đã hướng dẫn trên lớp Hệ thống các công cụ kinh tế trong kiểm soát ô nhiễm môi trường	K2
8	Chương 5: SO SÁNH CÁC CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG	

8,9	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2 tiết) 5.1. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG 5.1.1. Tính hiệu quả và hiệu quả chi phí 5.1.2. Tính công bằng 5.1.3. Khả năng khuyến khích đổi mới 5.1.4. Tính hiệu lực 5.1.5. Khía cạnh đạo đức 5.2. SO SÁNH CÁC CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG 5.3. VẤN ĐỀ KHÔNG CHẮC CHẮN TRONG KIỂM SOÁT Ô NHIỄM 5.4. TIẾT LỘ THÔNG TIN VỚI CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ 5.4.1. Động cơ tiết lộ thông tin khi có tiêu chuẩn 5.4.2. Động cơ tiết lộ thông tin khi có thuế 5.4.3. Động cơ tiết lộ thông tin khi có hệ thống giấy phép có thể chuyển nhượng	K2
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Hệ thống và so sánh các công cụ kinh tế trong kiểm soát ô nhiễm môi trường	K2
	Chương 6: CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CỦA VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 6.1. KHÁI QUÁT VỀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG 6.2. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CỦA CÁC NƯỚC PHÁT TRIỂN 6.2.1. Chính sách giảm lượng phát thải khí sulfur 6.2.2. Chính sách giảm lượng phát thải khí ôxít nito 6.2.3. Chính sách thuế xanh của Thụy Điển và Đức 6.3. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CỦA CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN 6.3.1. Khái quát chung 6.3.2. Các chính sách quản lý môi trường của các nước đang phát triển 6.4. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM 6.4.1. Luật bảo vệ môi trường 2005 6.4.2. Một số công cụ kinh tế được áp dụng trong quản lý môi trường ở Việt Nam	K1, K2
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Tìm hiểu chính sách quản lý của các nước trên thế giới và ở Việt Nam	K1, K2

	Chương 7: ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ MÔI TRƯỜNG	
9,10	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (5 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 67.1. KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ CỦA ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ MÔI TRƯỜNG 7.1.1. Khái niệm và cơ sở của đánh giá giá trị môi trường 7.1.2. Vai trò của đánh giá giá trị môi trường 7.2. KHÁI QUÁT CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ MÔI TRƯỜNG 7.2.1 Các vấn đề môi trường 7.2.2. Lựa chọn các phương pháp đánh giá 7.2.3. Kết hợp các phương pháp đánh giá 7.2.4. Lựa chọn nguồn dữ liệu để đánh giá 7.3. CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ MÔI TRƯỜNG 7.3.1. Phương pháp trực tiếp (sử dụng giá thị trường) 7.3.2. Một số phương pháp sử dụng chi phí 7.3.3. Phương pháp sử dụng giá sẵn lòng trả - Willingness to pay 7.3.4. Phương pháp chuyển đổi lợi ích 7.3.5. Phương pháp Meta Analysis 7.4. ÁP DỤNG CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM 7.4.1. Một số nghiên cứu áp dụng phương pháp đánh giá giá trị môi trường 7.4.2. Những khó khăn khi áp dụng các phương pháp đánh giá giá trị môi trường ở Việt Nam. Kiểm tra giữa kỳ/Trình bày nhóm (2 tiết)	K1, K2, K3, K4, K5
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết) Tìm hiểu các phương pháp đánh giá giá trị môi trường	K1, K2, K3, K4, K5

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu về điều kiện giảng dạy:
 - + Máy chiếu projector; micro, loa...
 - + Hạ tầng công nghệ thông tin để học E-learning
 - + Bảng, phấn
 - + Các dụng cụ học tập khác
- Yêu cầu đối với sinh viên:
 - + Tham gia đầy đủ giờ giảng lý thuyết
 - + Làm bài tập về nhà
 - + Tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình
 - + Tham gia kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ.

X. Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):

- Lần 1: 7/2018
- Lần 2: 7/ 2019

- Lần 2: 7/ 2020
- Lần 4: 7/ 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)


Phạm Thanh Lan
TRƯỞNG KHOA


Nguyễn Thị Minh Hiền

Hà Nội, ngày 19...tháng 7...năm 2021
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)


Hồ Thị Mỹ

KT. GIÁM ĐỐC
 **GIÁM ĐỐC**
(Ký và ghi rõ họ tên)




PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đỗ Thị Diệp	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kinh tế Tài nguyên và môi trường, khoa Kinh tế và PTNT	Điện thoại liên hệ: 024.62617592
Email: dtdiepl89@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/
Cách liên lạc với giảng viên: - Liên hệ trực tiếp tại phòng 406, Nhà Hành chính; Học viện Nông nghiệp Việt Nam - Liên hệ qua email: dtdiepl89@gmail.com	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Mậu Dũng	Học hàm, học vị: PGS. TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kinh tế Tài nguyên và môi trường, khoa Kinh tế và PTNT	Điện thoại liên hệ: 0912318187
Email: maudung@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/
Cách liên lạc với giảng viên: - Liên hệ trực tiếp tại phòng 406, Nhà Hành chính; Học viện Nông nghiệp Việt Nam - Liên hệ qua email: maudung@vnua.edu.vn	

Họ và tên: Nguyễn Văn Song	Học hàm, học vị: GS. TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kinh tế Tài nguyên và môi trường, khoa Kinh tế và PTNT	Điện thoại liên hệ: 0984148879
Email: nguyensonghua@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/
Cách liên lạc với giảng viên: - Liên hệ trực tiếp tại phòng 406, Nhà Hành chính; Học viện Nông nghiệp Việt Nam - Liên hệ qua email: nguyensonghua@gmail.com	

Giảng viên giảng dạy học phần

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Hải Ninh	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kinh tế Tài nguyên và môi trường, khoa Kinh tế và PTNT	Điện thoại liên hệ: 024.62617592
Email: haininh.hua@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/
Cách liên lạc với giảng viên: - Liên hệ trực tiếp tại phòng 406, Nhà Hành chính; Học viện Nông nghiệp Việt Nam - Liên hệ qua email: haininh.hua@gmail.com	